



**BAKER TILLY  
A&C**

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN A&C  
A&C AUDITING AND CONSULTING CO., LTD.**



Headquarters : 2 Trương Sơn St., W. 2, Tân Bình Dist., Hồ Chí Minh City  
Tel: (84.8) 3 5472972 - Fax: (84.8) 3 5472970  
Branch in Hà Nội : 40 Giang Võ St., Đống Đa Dist., Hà Nội City  
Branch in Nha Trang : 18 Trần Khanh Du St., Nha Trang City  
Branch in Cần Thơ : 162C/4 Trần Ngọc Quê St., Cần Thơ City  
www.a-c.com.vn

Số: 0633/2015/BCTC-KTTV

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: QUÍ CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC  
CÔNG TY CỔ PHẦN MAY SÀI GÒN 3**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty cổ phần may Sài Gòn 3, được lập ngày 10 tháng 4 năm 2015, từ trang 07 đến trang 35, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

### Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty cổ phần may Sài Gòn 3 tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Báo cáo được lập bằng tiếng Việt và tiếng Anh có giá trị như nhau. Bản tiếng Việt là bản gốc khi cần đối chiếu.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C



*[Handwritten signature]*

**Lý Quốc Trung - Phó Tổng Giám đốc**  
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 0099-2013-008-1

*[Handwritten signature]*

**Võ Thành Công - Kiểm toán viên**  
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 1033-2013-008-1

TP. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 6 năm 2015

**CÔNG TY CỔ PHẦN MAY SÀI GÒN 3**

Địa chỉ: 86 Nguyễn Thị Minh Khai, phường 6, quận 3, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: VNĐ

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>1.011.687.402.453</b>	<b>856.707.100.531</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>V.1</b>	<b>776.240.891.952</b>	<b>260.334.811.734</b>
1. Tiền	111		729.893.472.334	73.765.307.063
2. Các khoản tương đương tiền	112		46.347.419.618	186.569.504.671
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>29.315.975.115</b>	<b>498.319.567.615</b>
1. Đầu tư ngắn hạn	121	V.2	35.297.993.321	499.848.625.821
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư ngắn hạn	129	V.3	(5.982.018.206)	(1.529.058.206)
<b>III. Các khoản phải thu</b>	<b>130</b>		<b>140.667.258.561</b>	<b>72.694.803.108</b>
1. Phải thu của khách hàng	131	V.4	139.363.047.680	72.291.309.520
2. Trả trước cho người bán	132	V.5	221.839.068	384.560.157
3. Phải thu nội bộ	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	138	V.6	1.082.371.813	18.933.431
6. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139		-	-
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>55.362.559.101</b>	<b>20.585.107.685</b>
1. Hàng tồn kho	141	V.7	55.362.559.101	20.585.107.685
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>10.100.717.724</b>	<b>4.772.810.389</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	-
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		8.317.723.831	3.007.126.212
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		-	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	157		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.8	1.782.993.893	1.765.684.177

# CÔNG TY CỔ PHẦN MAY SÀI GÒN 3

Địa chỉ: 86 Nguyễn Thị Minh Khai, phường 6, quận 3, TP. Hồ Chí Minh

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>132.726.361.387</b>	<b>111.867.014.738</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>46.159.831.185</b>	<b>46.410.638.147</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	30.405.463.013	31.455.868.702
<i>Nguyên giá</i>	222		143.483.676.300	140.061.027.205
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(113.078.213.287)	(108.605.158.503)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	10.489.468.172	9.689.869.445
<i>Nguyên giá</i>	228		20.037.123.151	18.824.858.151
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(9.547.654.979)	(9.134.988.706)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.11	5.264.900.000	5.264.900.000
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>240</b>	<b>V.12</b>	<b>7.379.083.403</b>	<b>7.837.801.631</b>
<i>Nguyên giá</i>	241		12.013.381.013	11.467.955.703
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	242		(4.634.297.610)	(3.630.154.072)
<b>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>75.307.643.546</b>	<b>52.807.643.546</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	V.13	13.928.650.000	13.928.650.000
3. Đầu tư dài hạn khác	258	V.14	65.000.000.000	42.500.000.000
4. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư dài hạn	259	V.15	(3.621.006.454)	(3.621.006.454)
<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>3.879.803.253</b>	<b>4.810.931.414</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		-	-
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V.16	3.575.803.253	4.564.931.414
3. Tài sản dài hạn khác	268	V.17	304.000.000	246.000.000
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>1.144.413.763.840</b>	<b>968.574.115.269</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN MAY SÀI GÒN 3**

Địa chỉ: 86 Nguyễn Thị Minh Khai, phường 6, quận 3, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)**

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>A - NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>721.937.275.790</b>	<b>618.885.710.780</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>705.011.254.080</b>	<b>600.005.951.077</b>
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.18	-	14.305.772.898
2. Phải trả người bán	312	V.19	379.812.741.479	405.652.303.808
3. Người mua trả tiền trước	313	V.20	1.490.923.347	1.387.984.395
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.21	61.007.313.254	28.045.174.160
5. Phải trả người lao động	315	V.22	169.170.528.585	82.988.125.517
6. Chi phí phải trả	316	V.23	21.354.379.483	23.547.919.512
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.25	54.351.306.981	28.502.043.321
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	V.26	17.824.060.951	15.576.627.466
12. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	327		-	-
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>16.926.021.710</b>	<b>18.879.759.703</b>
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333	V.27	16.926.021.710	18.879.759.703
4. Vay và nợ dài hạn	334		-	-
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	-
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		-	-
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-
<b>B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>422.476.488.050</b>	<b>349.688.404.489</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>		<b>422.476.488.050</b>	<b>349.688.404.489</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	V.28	30.000.000.000	30.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	V.28	14.309.348.450	14.309.348.450
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ	414	V.28	(991.800.000)	(991.800.000)
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416	V.28	-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417	V.28	224.995.710.462	205.774.084.836
8. Quỹ dự phòng tài chính	418	V.28	3.000.000.000	3.000.000.000
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	V.28	151.163.229.138	97.596.771.203
11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421		-	-
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
1. Nguồn kinh phí	432		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	433		-	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>1.144.413.763.840</b>	<b>968.574.115.269</b>

# CÔNG TY CỔ PHẦN MAY SÀI GÒN 3

Địa chỉ: 86 Nguyễn Thị Minh Khai, phường 6, quận 3, TP. Hồ Chí Minh

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

### CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	Thuyết	Số cuối năm	Số đầu năm
	minh		
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý		950.194.471	950.194.471
5. Ngoại tệ các loại:			
Dollar Mỹ (USD)		30.501.323,72	7.987.152,15
Euro (EUR)		209,23	220,15
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

TP. Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 4 năm 2015

Nguyễn Ngọc Quỳnh Hương  
Người lập biểu

Nguyễn Thị Hương  
Kế toán trưởng



Đông Thị Hoài Thu  
Tổng Giám đốc



**CÔNG TY CỔ PHẦN MAY SÀI GÒN 3**

Địa chỉ: 86 Nguyễn Thị Minh Khai, phường 6, quận 3, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
Năm 2014

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	1.264.576.371.173	1.861.925.176.886
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	03		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	1.264.576.371.173	1.861.925.176.886
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	1.042.258.644.416	1.713.272.880.234
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		222.317.726.757	148.652.296.652
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	44.104.054.970	32.716.142.998
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	25.903.742.179	16.057.779.472
Trong đó: chi phí lãi vay	23		184.650.880	28.192.756
8. Chi phí bán hàng	24	VI.5	41.497.809.075	38.784.448.046
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.6	60.037.187.940	77.527.400.025
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		138.983.042.533	48.998.812.107
11. Thu nhập khác	31	VI.7	1.055.061.385	941.127.995
12. Chi phí khác	32	VI.8	1.554.226.694	417.079.491
13. Lợi nhuận khác	40		(499.165.309)	524.048.504
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		138.483.877.224	49.522.860.611
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.22	47.739.279.321	17.898.780.218
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		989.128.161	(4.564.931.414)
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		<u>89.755.469.742</u>	<u>36.189.011.807</u>
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		<u>302.581</u>	<u>121.999</u>

Nguyễn Ngọc Quỳnh Hương  
Người lập biểuNguyễn Thị Hương  
Kế toán trưởng

TP. Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 4 năm 2015

  
Phùng Thị Hoài Thu  
Tổng Giám đốc